

# CHƯƠNG TRÌNH 32: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

## I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thông tin (CNTT) trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức, kỹ năng và tác phong nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, đáp ứng được các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng CNTT của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế của đất nước. Chương trình đào tạo cũng cung cấp các kiến thức mới nhất trong lĩnh vực CNTT, giúp sinh viên bắt kịp và tiếp cận với kiến thức chung về CNTT của thế giới.

## II. CHUẨN ĐẦU RA

### III.1. Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp, ngành Công nghệ Thông tin đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ, tùy thuộc vào sự lựa chọn các học phần trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

#### A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

A1. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân.

A2. Có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật.

A3. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

A4. Có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ.

A5. Có đủ sức khỏe để làm việc.

#### B. Kiến thức

B1. Hiểu các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

B2. Hiểu và vận dụng kiến thức toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào ngành đào tạo.

B3. Trình độ ngoại ngữ đạt theo quy định Trường Đại học Nha Trang.

B4. Hiểu biết các vấn đề đương đại liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

B5. Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên môn sau:

B5.1 Kiến thức khoa học cơ bản và có khả năng vận dụng vào chuyên ngành CNTT

B5.2 Kiến thức cơ sở về công nghệ thông tin: Thuật toán, kiến trúc máy tính và nguyên lý hoạt động, hệ điều hành

B5.3 Phân tích, tổ chức, tích hợp xử lý và quản lý dữ liệu, thông tin

B5.4 Lập trình, xây dựng và phát triển phần mềm

B5.5 Sử dụng các công cụ phù hợp để quản lý và ứng dụng CNTT vào lĩnh vực thực tế

B5.6 Kiến thức về quản lý nguồn tài nguyên, các hoạt động của cơ quan / tổ chức, các giải pháp sử dụng CNTT để nâng cao khả năng lãnh đạo, quản lý của cơ quan / tổ chức

#### C. Kỹ năng

C1. Kỹ năng nghề nghiệp:

C1.1 Kỹ năng xây dựng và quản lý đề án CNTT (phần mềm & phần cứng)

C1.2 Kỹ năng trình bày công việc về CNTT đang làm, phản biện dựa trên thực nghiệm, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề.

C2. Kỹ năng mềm:

C2.1. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm công tác.

C2.2 Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn

### II.2. Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

*Sinh viên tốt nghiệp ngành có thể làm việc tại các cơ sở sau:*

1. Công ty phần mềm (nghiên cứu, thiết kế, gia công, kiểm định phần mềm)

2. Doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm CNTT.

3. Các cơ sở đào tạo CNTT.

4. Các cơ sở tư vấn xây dựng hệ thống thông tin, triển khai hệ thống mạng, quản trị mạng

5. Các cơ sở truyền thông.

6. Các công ty thiết kế, sản xuất thiết bị công nghiệp số